

Số: 170/CB- BVĐKKBII

TP Bắc Ninh, ngày: 19. tháng 08. năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Cục quản lý khám chữa bệnh, Bộ y tế

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Bệnh viện đa khoa Kinh Bắc II**

Số giấy phép hoạt động 209/BYT - GPHĐ Cơ quan cấp: Bộ Y tế ngày 18 tháng 8 năm 2017

Địa chỉ: Đồng Rèn, khu 5, phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Nguyễn Văn Minh

Điện thoại liên hệ: 0222 3875 315 Email: benhvienkinhbac@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ: Y khoa/đa khoa; y học cổ truyền; răng hàm mặt, y học dự phòng
- Bác sỹ chuyên khoa: Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi, HSCC, GMHS, TMH, YHCT, PHCN, Xét nghiệm, Giải phẫu bệnh, chẩn đoán hình ảnh, Da liễu, Mắt.
- Điều dưỡng: Trung cấp, cao đẳng, cử nhân
- Hộ sinh: Trung cấp, cao đẳng, cử nhân
- Kỹ thuật y(xét nghiệm y học, hình ảnh y học, phục hồi chức năng): Trung cấp, cao đẳng, cử nhân
- Y sỹ y học cổ truyền

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Có phụ lục I kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 20 bác sỹ/năm; 50 điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y/năm.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 2.000.000đ/người/tháng.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Minh

**PHỤ LỤC I: DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KINH BẮC II**

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
I. Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực – Chống độc					
1.	Trịnh Quốc Tuấn	BSCKI Hồi sức cấp cứu	0002256/BN-CCHN	18/04/2014	Chuyên khoa Nội, Hồi sức cấp cứu
2.	Nguyễn Văn Anh	Bác sĩ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	0003657/BN - CCHN	25/02/2016	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
3.	Đỗ Thị Hồng	Bác sỹ nội trú Nội	005630/BN - CCHN	14/01/2021	Chuyên khoa Nội
4.	Hà Trung Thành	Bác sĩ chuyên khoa Nội	004142/BN-CCHN	13/02/2017	Chuyên khoa Nội
5.	Dương Thị Trang	Cử nhân điều dưỡng	0002232/BN-CCHN	26/03/2014	Điều dưỡng
6.	Nguyễn Thị Thơm	Cao đẳng điều dưỡng	003782/BN-CCHN	29/08/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
7.	Nguyễn Thị Loan	Cử nhân điều dưỡng	004038/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
II. Khoa Khám bệnh					
8.	Nguyễn Thị Nguyên	Bác sĩ chuyên khoa Nội	003089/BN-CCHN	17/07/2021	Chuyên khoa Nội
9.	Nguyễn Văn Thọ	Bác sĩ chuyên khoa Nội	0002258/BN-CCHN	18/04/2014	Chuyên khoa Nội
10.	Nguyễn Minh Hà	Bác sĩ đa khoa	000334/BN-CCHN	28/09/2012	Khám chữa bệnh đa khoa
11.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Bác sĩ chuyên khoa Mắt	005022/BN - CCHN	13/05/2019	Chuyên khoa Mắt
12.	Bùi Đình Tú	BSCKII Nội	0001897/BN-CCHN	16/12/2013	Chuyên khoa Nội tổng hợp
13.	Nguyễn Thị Quỳnh	Bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt	000333/BN-CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa Răng hàm mặt
14.	Đàm Thị Dinh	Bác sĩ chuyên khoa	005007/BN-CCHN	09/05/2019	Chuyên khoa Răng hàm mặt

M.S.D.N. 2

		Răng hàm mặt			
15.	Nguyễn Huy Du	Bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt	0002983/BN-CCHN	15/06/2015	Chuyên khoa Răng hàm mặt
16.	Lương Thu Trang	Bác sĩ chuyên khoa Mắt	005048/BN -CCHN	12/06/2019	Chuyên khoa Mắt
17.	Vũ Thị Mơ	Bác sĩ chuyên khoa Mắt	005047/BN - CCHN	12/06/2019	Chuyên khoa Mắt
18.	Vũ Thị Loan	Cao đẳng điều dưỡng	0003433/BN-CCHN	10/09/2015	Điều dưỡng
19.	Đỗ Thị Oanh	Cao đẳng điều dưỡng	004035/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
20.	Trần Thị Duyên	Cử nhân điều dưỡng	003792/BN-CCHN	29/08/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
21.	Nguyễn Thị Hiếu	Cử nhân điều dưỡng	003794/BN-CCHN	29/08/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
22.	Phạm Thị Hoàn	Cao đẳng điều dưỡng	004009/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
23.	Đặng Thị Mai	Cử nhân điều dưỡng	004847/BN-CCHN	17/10/2018	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
24.	Phạm Thị Thủy Dương	Cao đẳng điều dưỡng	004092/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
25.	Đặng Thị Thoan	Cử nhân điều dưỡng	004982/BN - CCHN	22/04/2019	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
26.	Lê Thị Giang	Cao đẳng điều dưỡng	005323/BN-CCHN	06/05/2020	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
27.	Nguyễn Thị Tươi	Cử nhân điều dưỡng	005350/BN-CCHN	18/06/2020	Thực hiện theo quy định tại TTLT số

					26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
28.	Vũ Thị Trang	Cử nhân điều dưỡng	003784/BN-CCHN	29/08/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
III. Khoa Nhi					
29.	Vũ Hữu Thung	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	005320/BN-CCHN	06/05/2020	Chuyên khoa Nhi
30.	Trần Thị Anh Nguyên	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	4464/BN-CCHN	14/05/2017	Chuyên khoa Nhi
31.	Lăng Thu Hà	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	003308/BN-CCHN	16/04/2018	Chuyên khoa Nhi
32.	Bùi Văn Độ	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	005826/BN-CCHN	10/12/2021	Chuyên khoa Nhi
33.	Ngô Thị Trang	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	005008/BN-CCHN	09/05/2019	Chuyên khoa Nhi
34.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	004884/BN-CCHN	28/11/2018	Chuyên khoa Nhi
35.	Trần Thị Anh Nguyên	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	4464/BN-CCHN	14/05/2017	Chuyên khoa Nhi
36.	Phạm Thị Xuân Hội	Cử nhân điều dưỡng	004082/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
37.	Âu Thị Chinh	Cử nhân điều dưỡng	005814/BN-CCHN	26/11/2021	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
38.	Vũ Thị Ngân	Cử nhân điều dưỡng	012927/HNO-CCHN	08/07/2014	Thực hiện theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005
39.	Tô Thị Tuyên	Cử nhân điều dưỡng	000341/BN-CCHN	28/09/2012	Điều dưỡng
40.	Nguyễn Thị Tuyên	Cử nhân điều dưỡng	005813/BN-CCHN	26/11/2021	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
IV. Khoa Nội tổng hợp					

41.	Đỗ Thị Hằng	Bác sỹ đa khoa	001247/BN-CCHN	06/11/2013	Chuyên khoa Nội
42.	Khúc Thảo Nguyên	Bác sỹ chuyên khoa Nội	005319/BN-CCHN	06/05/2020	Chuyên khoa Nội
43.	Trần Thị Mỹ Duyên	Bác sỹ chuyên khoa Nội	004998/BN-CCHN	22/04/2019	Chuyên khoa Nội
44.	Nguyễn Thị Huệ	Bác sỹ chuyên khoa Nội	005827/BN-CCHN	10/12/2021	Chuyên khoa Nội
45.	Đỗ Thị Hằng	Bác sỹ chuyên khoa Nội	001247/BN-CCHN	06/11/2013	Chuyên khoa Nội
46.	Dương Thị Trà My	Bác sỹ chuyên khoa Da liễu	004990/BN-CCHN 217/QĐ - SYT	22/04/2019 27/04/2021	Chuyên khoa Nội/ chuyên khoa Da liễu
47.	Lưu Thị Thìn	Cử nhân điều dưỡng	0003673/BN- CCHN	11/03/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
48.	Nguyễn Thị Liên	Cử nhân điều dưỡng	005011/BN-CCHN	09/05/2019	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
49.	Nguyễn Thị Trang	Cử nhân điều dưỡng	004080/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
50.	Phùng Thị Phượng	Cử nhân điều dưỡng	004091/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
V. Khoa Xét nghiệm – giải phẫu bệnh					
51.	Nguyễn Thị Quý	Bác sỹ chuyên khoa giải phẫu bệnh	04787/BN-CCHN	24/09/2018	Chuyên khoa giải phẫu bệnh
52.	Ngô Văn Bắc	Cử nhân xét nghiệm y học	0003431/BN-CCHN	10/09/2015	Xét nghiệm huyết học, sinh hoá, vi sinh
53.	Vũ Thị Nguyên	Cử nhân xét nghiệm y học	005198/BN-CCHN	08/01/2020	Chuyên khoa xét nghiệm
54.	Hà Thị Xoan	Cao đẳng xét nghiệm y học	004088/BN-CCHN	26/12/2016	Kỹ thuật viên xét nghiệm
55.	Dương Thị Xuân	Cao đẳng xét nghiệm	005023/BN - CCHN	22/05/2019	Kỹ thuật viên xét nghiệm

		y học			
56.	Vương Thị Nhài	Cao đẳng xét nghiệm y học	005344/BN-CCHN	02/06/2020	Chuyên khoa xét nghiệm
57.	Đỗ Quỳnh Thu	Cao đẳng xét nghiệm y học	005573/BN-CCHN	03/11/2020	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học
58.	Dương Đình Hưng	Cử nhân xét nghiệm y học	0003636/BN-CCHN	25/02/2016	Thực hiện các kỹ thuật Xét nghiệm huyết học, sinh hoá, vi sinh, ký sinh trùng, tế bào
59.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Cử nhân xét nghiệm y học	005190/BN-CCHN	17/12/2019	Chuyên khoa xét nghiệm
VI. Khoa Y học cổ truyền – phục hồi chức năng					
60.	Vũ Thị Nhung	BSCKI Y học cổ truyền	000366/BN-CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa y học cổ truyền – phục hồi chức năng
61.	Lê Danh Giao	Bác sĩ y học cổ truyền – phục hồi chức năng	003797/BN-CCHN	29/08/2016	Chuyên khoa y học cổ truyền – phục hồi chức năng
62.	Đặng Đình Tuấn	Bác sĩ chuyên khoa Y học cổ truyền	003049/BN-CCHN	16/04/2018	Chuyên khoa Y học cổ truyền
63.	Nguyễn Chí Thành	Bác sĩ chuyên khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	04732/BN-CCHN	03/08/2018	Chuyên khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng
64.	Nguyễn Thị Viên	Bác sĩ chuyên khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	0003438/BN-CCHN	10/09/2015	Chuyên khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng
65.	Bùi Thị Tuyền	Cử nhân phục hồi chức năng	003793/BN-CCHN	29/08/2016	Vật lý trị liệu-PHCN
66.	Nguyễn Thị Tuyết	Cao đẳng phục hồi chức năng	004993/BN-CCHN	22/04/2019	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng
67.	Nguyễn Thị Kiều Trang	Cao đẳng phục hồi chức năng	000007/BN-CCHN	13/06/2018	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng
68.	Nguyễn Thị Huyền	Cử nhân phục hồi chức năng	0003432/BN-CCHN	10/09/2015	Vật lý trị liệu-PHCN
VII. Khoa chẩn đoán hình ảnh					
69.	Nguyễn Thị Minh Trang	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	005006/BN-CCHN	09/05/2019	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh

70.	Vũ Thị Vân Anh	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	003412/BN-CCHN	16/04/2018	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
71.	Nông Thị Hạnh	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	003360/BN-CCHN	16/04/2018	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
72.	Dương Ngô Thi	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	000329/BN-CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
73.	Trịnh Thị Thế	Thạc sĩ chẩn đoán hình ảnh	0003586/BN-CCHN	15/01/2016	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
74.	Đinh Xuân Hậu	Bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	004995/BN-CCHN	22/04/2019	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
75.	Vũ Văn Thạch	Cử nhân hình ảnh y học	04640/BN-CCHN	13/06/2018	Kỹ thuật hình ảnh y học
76.	Trần Đức Cường	Cao đẳng hình ảnh y học	4465/BN-CCHN	14/05/2017	Kỹ thuật hình ảnh y học
77.	Dương Đình Giang	Cao đẳng hình ảnh y học	004845/BN-CCHN	17/10/2018	Kỹ thuật hình ảnh y học

VIII. Khoa Gây mê hồi sức

78.	Lý Chí Hùng	Bác sĩ chuyên khoa Gây mê hồi sức	004997/BN-CCHN	22/04/2019	Chuyên khoa Gây mê hồi sức
79.	Trương Đức Long	Bác sĩ chuyên khoa Gây mê hồi sức	0001706/BN-CCHN	26/11/2013	Chuyên khoa Gây mê hồi sức
80.	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Cao đẳng điều dưỡng gây mê hồi sức	04642/BN-CCHN	13/06/2018	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
81.	Trần Thị Liên	Cử nhân điều dưỡng gây mê hồi sức	004877/BN-CCHN	20/11/2018	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
82.	Nguyễn Thị Phương Hoa	Cử nhân điều dưỡng gây mê hồi sức	004875/BN-CCHN	20/11/2018	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
83.	Nguyễn Đình Nam	Cử nhân điều dưỡng gây mê hồi sức	0002234/BN-CCHN	26/03/2014	Theo quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ nội vụ

IX. Khoa Tai mũi họng

84.	Trần Mạnh Cường	Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi họng	005688/BN-CCHN	04/04/2021	Chuyên khoa Tai Mũi họng
85.	Hoàng Văn Cừ	Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi họng	000332/BN-CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa Tai Mũi họng
86.	Nguyễn Thị Phương Thảo	BSCKI Tai mũi họng	0003642/BN-CCHN	25/02/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
87.	Nguyễn Thị Huệ	Cao đẳng điều dưỡng	004093/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
88.	Tạ Thị Hiền	Cao đẳng điều dưỡng	004084/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
89.	Nguyễn Thị Thủy	Cao đẳng điều dưỡng	004846/BN-CCHN	17/10/2018	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
90.	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Cao đẳng điều dưỡng	004081/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
91.	Bùi Thị Uyên	Cử nhân điều dưỡng	004095/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng

X. Khoa Sản

92.	Đỗ Thị Loan	Bác sĩ nội trú Sản	005828/BN-CCHN	10/12/2021	Chuyên khoa Sản
93.	Đào Đăng Phương	Bác sĩ chuyên khoa Sản	005321/BN-CCHN	06/05/2020	Chuyên khoa Sản
94.	Đinh Trung Việt	Bác sĩ chuyên khoa Sản	004975/BN-CCHN	22/04/2019	Chuyên khoa Sản
95.	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bác sĩ chuyên khoa I Sản	000381/BN-CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa Sản
96.	Nguyễn Ngọc Tân	BSCKI Phụ sản	000365/BN-CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa Phụ sản
97.	Nguyễn Văn Hành	BSCKI Phụ sản	0002255/BN-CCHN	18/04/2014	Chuyên khoa Phụ sản
98.	Văn Hồng Loan	Cao đẳng hộ sinh	004014/BN-CCHN	26/12/2016	Hộ sinh
99.	Nguyễn Thị Sang	Cao đẳng hộ sinh	005010/BN-CCHN	09/05/2019	Hộ sinh
100.	Nguyễn Phương	Cử nhân điều dưỡng	04637/BN-CCHN	13/06/2018	Thực hiện theo quy định tại TTLT số

	Anh	điều dưỡng sản phụ khoa			26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
101.	Nguyễn Thị Thương	Cử nhân điều dưỡng điều dưỡng sản phụ khoa	005379/BN-CCHN	30/06/2020	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
XI. Khoa Ngoại					
102.	Nguyễn Ngọc Cung	Bác sĩ chuyên khoa Ngoại	005345/BN-CCHN	02/06/2020	Chuyên khoa Ngoại
103.	Nguyễn Văn Sơn	Bác sĩ chuyên khoa Ngoại	005093/BN-CCHN	13/08/2019	Chuyên khoa Ngoại
104.	Nguyễn Văn Luân	Bác sĩ chuyên khoa Ngoại	003048/BN-CCHN	16/04/2018	Chuyên khoa Ngoại
105.	Trần Văn Hải	Bác sĩ chuyên khoa Ngoại	003284/BN-CCHN	16/04/2018	Chuyên khoa Ngoại
106.	Hoàng Anh Tú	Bác sĩ chuyên khoa I ngoại	0003645/BN-CCHN	25/02/2016	Chuyên khoa Ngoại
107.	Trung Tiến Thành	Bác sĩ chuyên khoa I ngoại	000356/BN - CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa Ngoại
108.	Giáp Văn Quang	BSCKI Ngoại	000466/BN-CCHN	05/12/2012	Chuyên khoa Ngoại
109.	Hoàng Văn Mạnh	Bác sĩ nội trú Ngoại	0002254/BN-CCHN	18/04/2014	Chuyên khoa Ngoại/Chuyên khoa phẫu thuật Tạo hình thẩm mỹ
110.	Lê Thế Mạnh	BSCKI Ngoại	000355/BN-CCHN	28/09/2012	Chuyên khoa Ngoại
111.	Nguyễn Văn Quyết	Cao đẳng điều dưỡng	004012/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
112.	Trần Thị Thanh Thủy	Cử nhân điều dưỡng	004994/BN-CCHN	22/04/2019	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
113.	Trần Thị Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	004087/BN-CCHN	26/12/2016	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng
114.	Nguyễn Thị Huệ	Cử nhân điều dưỡng	005378/BN-CCHN	30/06/2020	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015

					về điều dưỡng
115.	Nguyễn Sỹ Huy	Cử nhân điều dưỡng	000363/BN-CCHN	26/09/2012	Thực hiện theo quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV ngày 07/10/2015 về điều dưỡng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Minh



NỘI DUNG THỰC HÀNH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện đa khoa Kinh Bắc II xây dựng nội dung đào tạo thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Điều 3, Mục 1, chương II, Nghị định 96/2023/NĐ – CP như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HÀNH

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ: Y khoa/đa khoa; y học cổ truyền; răng hàm mặt, y học dự phòng
- Bác sỹ chuyên khoa: Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi, HSCC, GMHS, TMH, YHCT, PHCN, Xét nghiệm, Giải phẫu bệnh, chẩn đoán hình ảnh, Da liễu, Mắt.
- Điều dưỡng: Trung cấp, cao đẳng, cử nhân
- Hộ sinh: Trung cấp, cao đẳng, cử nhân
- Kỹ thuật y(xét nghiệm y học, hình ảnh y học, phục hồi chức năng): Trung cấp, cao đẳng, cử nhân
- Y sỹ y học cổ truyền

2. Thời gian tổ chức thực hành:

Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của chính phủ

3. Thời gian thực hành đối với từng đối tượng như sau:

TT	Chức danh chuyên môn/Phạm vi hành nghề	Văn bằng chuyên môn	Thời gian thực hành khám chữa bệnh tương ứng phạm vi hành nghề			
			Phạm vi hành nghề	Địa điểm thực hành	Thời gian	Tổng thời gian thực hành
1	Bác sỹ/Y khoa	Bác sỹ y khoa Bác sỹ đa khoa	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC- Chống độc	3 tháng	12 tháng
			Hô hấp, Tuần hoàn, Tiêu hóa, Nội tiết	Khoa nội tổng hợp	9 tháng	
			Thần kinh, Tiết niệu, sinh dục nam, Cơ xương	Khoa ngoại tổng hợp		
			Cơ quan sinh dục nữ, Sản khoa, sơ sinh	Khoa phụ sản, khoa Nhi		
			YHCT và Phục hồi chức năng	Khoa YHCT & PHCN		

			Mắt, Tai mũi họng, RHM, Da liễu, Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa khám bệnh		
2	Bác sỹ/Y học cổ truyền	Bác sỹ YHCT	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	3 tháng	12 tháng
			-Y học cổ truyền. -Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa YHCT-PHCN	9 tháng	
3	Bác sỹ/Răng hàm mặt	Bác sỹ răng hàm mặt	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	3 tháng	12 tháng
			-Răng hàm mặt -Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	PK RHM khoa khám bệnh Liên khoa Mắt-TMH-RHM	9 tháng	
4	Điều dưỡng	Trung cấp/cao đẳng/cử nhân điều dưỡng	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	1 tháng	6 tháng
			-Điều dưỡng -Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa khám bệnh Khoa nội tổng hợp Khoa Ngoại tổng hợp Khoa Nhi	5 tháng	
5	Hộ sinh	Trung cấp/cao đẳng/cử nhân hộ sinh	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	1 tháng	6 tháng
			-Hộ sinh -Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa Phụ sản	5 tháng	
6	Kỹ thuật y/xét nghiệm y học	Trung cấp/cao đẳng/cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	1 tháng	6 tháng
			-kỹ thuật xét nghiệm y học -Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa Xét nghiệm – Giải phẫu bệnh	5 tháng	

7	Kỹ thuật y/hình ảnh y học	Trung cấp/cao đẳng/cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	1 tháng	6 tháng
			-kỹ thuật hình ảnh y học -Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa chẩn đoán hình ảnh	5 tháng	
8	Kỹ thuật y/phục hồi chức năng	-Trung cấp/cao đẳng/cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng hoặc kỹ thuật vật lý trị liệu hoặc kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	1 tháng	6 tháng
			-Phục hồi chức năng -Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa YHCT&PHCN	5 tháng	
9	Bác sỹ chuyên khoa HSCC	Bằng chuyên khoa(đào tạo ≥18 tháng) quá hạn 24 tháng Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu-HSTC-Chống độc	12 tháng 9 tháng	12 tháng 9 tháng
10	Bác sỹ chuyên khoa Nội	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	Khoa Nội	9 tháng	9 tháng
11	Bác sỹ chuyên khoa Ngoại	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại khoa	Khoa Ngoại	9 tháng	9 tháng
12	Bác sỹ chuyên khoa Phụ Sản	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	Khoa Phụ Sản	9 tháng	9 tháng
13	Bác sỹ	Chứng chỉ	Khám chữa bệnh chuyên	Khoa Nhi	9 tháng	9 tháng

	chuyên khoa Nhi	đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	khoa Nhi khoa			
14	Bác sỹ chuyên khoa GMHS	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Khoa GMHS	9 tháng	9 tháng
15	Bác sỹ chuyên khoa Tai Mũi Họng	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Khoa Tai Mũi Họng(Liên khoa Mắt – TMH-RHM)	9 tháng	9 tháng
16	Bác sỹ chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Khoa Xét nghiệm – Giải phẫu bệnh	9 tháng	9 tháng
17	Bác sỹ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	9 tháng	9 tháng
18	Bác sỹ chuyên khoa Phục hồi chức năng	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	Khoa YHCT & PHCN	9 tháng	9 tháng
19	Bác sỹ chuyên khoa Mắt	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Phòng khám mắt và Liên khoa Mắt – TMH-RHM	9 tháng	9 tháng
20	Bác sỹ chuyên khoa Da liễu	Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản(đào tạo 9 tháng)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	Phòng khám Da liễu	9 tháng	9 tháng
21	Bác sỹ y học dự phòng	Bằng bác sỹ y học dự phòng	Hồi sức cấp cứu Các chuyên khoa khác : Nội, nhi, YHCT, GMHS, ngoại, bỏng, mắt, TMM Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn	Khoa Hồi sức cấp cứu Các khoa: Khám bệnh, nội, ngoại, nhi, GMHS, YHCT-PHCN	3 tháng 9 tháng	12 tháng

063

H.Đ.Đ.
I.B.A.

H.T.F.

			người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử			
22	Y sỹ Y học cổ truyền	Bằng y sỹ YHCT	Hồi sức cấp cứu Các chuyên khoa khác : Tuần hoàn, hô hấp, thần kinh, tiết niệu, ngoại, bỏng, PHCN Quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kỹ năng giao tiếp ứng xử	Khoa Hồi sức cấp cứu Các khoa : YHCT- PHCN, khám bệnh, nội, ngoại, nhi.	3 tháng 6 tháng	9 tháng

II. Tổ chức thực hành: (Theo quy định tại điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ).

1. Tiếp nhận người thực hành:

a) Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại Điều 8 quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ – CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ gửi đến cơ sở hướng dẫn thực hành nơi đăng ký thực hành.

- Nộp bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn phù hợp với nội dung đăng ký thực hành.

- Giấy khám sức khỏe

- Quyết định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan cử đi (nếu có).

b) Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo Mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP về Bộ y tế.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của cơ sở và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phân công người hướng dẫn thực hành:

a) Phân công người hướng dẫn thực hành theo Mẫu 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

3. Điều kiện đối với người hướng dẫn thực hành:

a) Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với

CT
KHOA
C II
TÁC N

nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành;

b) Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;

c) Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Người hướng dẫn thực hành:

Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

5. Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

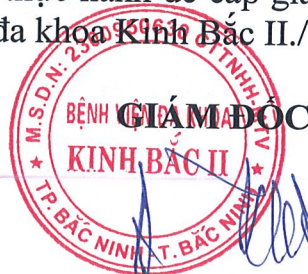
a) Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở hướng dẫn thực hành và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

III. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH:

Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

Trên đây là nội dung bản công bố đào tạo thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa Kinh Bắc II./



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Minh

